

Số: **32** /2009/TT-BCT

Hà Nội, ngày **05** tháng **11** năm 2009

THÔNG TƯ

Quy định tạm thời về giới hạn cho phép đối với hàm lượng formaldehyt, các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày 11 tháng 7 năm 1989;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 27 tháng 4 năm 1999;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định tạm thời về giới hạn cho phép đối với hàm lượng formaldehyt, các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may như sau:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định tạm thời về giới hạn cho phép đối với hàm lượng formaldehyt, các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may được sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh trên thị trường Việt Nam. Cụ thể:

a) Hàm lượng formaldehyt tồn dư trên sản phẩm dệt may không được vượt quá giới hạn cho phép nêu trong Phụ lục 1 của Thông tư này;

b) Các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may không được vượt quá giới hạn cho phép nêu trong Phụ lục 2 của Thông tư này.

2. Đối với vải dùng trong công nghiệp xây dựng; vải lót dùng trong công nghiệp sản xuất lốp ô tô và xe máy; quần áo chống cháy dùng theo yêu cầu đặc biệt; vải bạt công nghiệp, sản phẩm với mục đích sử dụng đặc biệt khác và vải nhập khẩu để gia công hàng xuất khẩu không phải là đối tượng được áp dụng tại Thông tư này.

3. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá và các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh sản phẩm dệt may có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn áp dụng và phương pháp lấy mẫu để giám định chất lượng

1. Phương pháp xác định hàm lượng hoá chất tồn dư được thực hiện theo hướng dẫn của Tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn phân tích tương ứng với các tổ chức quốc tế sau:

a) TCVN 7421-1:2004 (ISO 14184-1:1998), Vật liệu dệt - Xác định formaldehyt - Phần 1: Formaldehyt tự do và thủy phân (phương pháp chiết trong nước);

b) TCVN 7619-1:2007 (EN 14362-1: 2003), Vật liệu dệt - Phương pháp xác định amin thơm dẫn xuất từ thuốc nhuộm azo - Phần 1: Phát hiện việc sử dụng thuốc nhuộm azo không cần chiết;

c) TCVN 7619-2:2007 (EN 14362-2: 2003), Vật liệu dệt - Phương pháp xác định amin thơm dẫn xuất từ thuốc nhuộm azo - Phần 2: Phát hiện việc sử dụng thuốc nhuộm azo bằng cách chiết xơ;

d) LMBGB 82.02-2, LMBG B 82.02-4 Xác định thuốc nhuộm azo trên sản phẩm dệt may.

2. Lấy mẫu thử nghiệm để giám định chất lượng được thực hiện như sau:

a) Đối với vải: lấy ngẫu nhiên một mẫu làm đại diện cho mỗi màu từ mỗi lô hàng. Chiều dài lấy mẫu là một mét, chiều rộng cả khổ vải, cách đầu tấm vải ít nhất hai mét;

b) Đối với sản phẩm may: lấy ngẫu nhiên một mẫu làm đại diện cho mỗi kiểu dáng và mỗi màu từ mỗi lô hàng;

c) Mẫu lấy xong phải được bao gói trong túi hoặc màng polyetylen có độ bền cao để tránh nhiễm bẩn. Mẫu được niêm phong theo quy định của pháp luật.

3. Bộ hồ sơ đăng ký lấy mẫu giám định, mẫu phiếu tiếp nhận hồ sơ, Biên bản lấy mẫu được quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư này và được đăng trên trang tin điện tử Công Thương Việt Nam của Bộ Công Thương.

Điều 3. Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm và kết quả thử nghiệm

1. Phòng thí nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định thực hiện việc giám định chất lượng phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Phòng thí nghiệm được Văn phòng Công nhận chất lượng (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ) công nhận, cấp chứng chỉ đảm bảo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC 17025:2007 Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn và phương pháp thử nghiệm các chỉ tiêu trên phải nằm trong danh mục các phép thử được công nhận;

b) Phòng thí nghiệm được tổ chức công nhận Quốc tế, khu vực cấp chứng chỉ đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2007 và phương pháp thử nghiệm các chỉ tiêu trên phải nằm trong danh mục các phép thử được công nhận;

2. Bộ hồ sơ đăng ký Phòng thí nghiệm chỉ định thực hiện việc giám định chất lượng được quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này và được đăng trên trang tin điện tử Công Thương Việt Nam của Bộ Công Thương.

3. Kết quả thử nghiệm từ các tổ chức thử nghiệm được chỉ định được sử dụng trong việc quản lý về chất lượng hàng hoá.

Điều 4. Điều kiện đảm bảo chất lượng sản phẩm hàng hoá

1. Sản phẩm dệt may được sản xuất trong nước áp dụng theo quy định tại Điều 4, khoản 1 Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá.

2. Sản phẩm dệt may nhập khẩu áp dụng theo quy định tại Điều 7, khoản 1 Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá.

Cơ quan Hải quan chỉ thông quan khi hồ sơ nhập khẩu của lô hàng có Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa của cơ quan kiểm tra theo quy định tại Mẫu số 8 Phụ lục 5 Thông tư này.

3. Sản phẩm dệt may lưu thông trên thị trường phải đảm bảo điều kiện về chất lượng theo quy định tại Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá.

Điều 5. Trách nhiệm của các bên liên quan

1. Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương có trách nhiệm trong việc chỉ định phòng thí nghiệm được phép thử nghiệm các chỉ tiêu trong Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Thông tư này theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

2. Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm quy định về chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan kiểm tra chất lượng hàng hoá nhà nước thực hiện việc kiểm soát chất lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 16/2009/TT-BKHCN ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

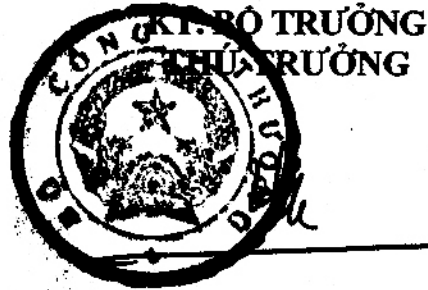
Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan kiểm tra kịp thời phản ánh về Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương để Vụ tổng hợp, đề xuất báo cáo Bộ hướng dẫn, sửa đổi.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và được thực hiện cho đến khi có Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia tương ứng thay thế./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Website Bộ Công Thương;
- Tập đoàn Dệt May Việt Nam;
- Hiệp hội Dệt May Việt Nam;
- Tổng cục Hải quan;
- Cục quản lý chất lượng hàng hoá;
- Lưu: VT, Vụ KHCN.



Bùi Xuân Khu

Phụ lục 1

Hàm lượng formaldehyt tồn dư ở mức tối đa cho phép trên sản phẩm dệt may

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32 /2009/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2009)

STT	Tên mặt hàng	Hàm lượng
Nhóm 1	Sản phẩm dệt may dành cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi	30mg/kg
Nhóm 2	Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da	75mg/kg
Nhóm 3	Sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da	300mg/kg

Một số ví dụ về các nhóm sản phẩm:

- Sản phẩm dệt, may dùng cho trẻ em: Tất cả các loại quần áo, tã, mũ, khăn, bít tất, găng tay, băng rôn..v.v.. và vải dùng để sản xuất các loại sản phẩm trên.

- Sản phẩm dệt, may tiếp xúc trực tiếp với da: Quần áo lót, mũ, găng tay, bít tất, khăn tay, khăn tắm, khăn choàng đầu, áo sơ mi, váy dài, chân váy, quần các loại, bộ đồ trải giường..v.v.. và vải dùng để sản xuất các loại sản phẩm trên.

- Sản phẩm dệt, may không tiếp xúc trực tiếp với da: Áo vét, áo khoác dài, áo len, rèm cửa, vải bọc đệm, vải lót, vật liệu nhồi..v.v.. và vải dùng để sản xuất các loại sản phẩm trên.

Phụ lục 2

Hàm lượng cho phép tối đa 30 mg/kg cho một amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may
Ban hành kèm theo Thông tư số 32 /2009/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2009

Stt	Tên chung tiếng Việt	Tên chung tiếng Anh	Số CAS
1.	1) 4-Aminodiphenyl 2) 4-Aminobiphenyl 3) 4-Biphenylamin 4) Xenylamin 5) 4- Phenylanilin	1) 4- Aminodiphenyl 2) 4- Aminobiphenyl 3) 4-Biphenylamine 4) Xenylamine 5) 4- Phenylaniline	92-67-1
2.	1) Benzidin 2) 4,4'- Diaminobiphenyl	1) Benzidine 2) 4,4'- Diaminobiphenyl	92-87-5
3.	1) 4- Chlor-o- toluidin 2) 4- Chloro-2- methylanilin	1) 4- Chlor-o- toluidine 2) 4- Chloro-2- methylaniline	95-69-2
4.	1) 2- Naphthylamin 2) 2- Aminoaphthalen 3) β- Naphthylamin	1) 2- Naphthylamine 2) 2- Aminoaphthalene 3) β- Naphthylamine	91-59-8
5.	1) o- Aminoazotoluen 2) 4- Amino -2,3'- dimethylazobenzen 3) 4-o-Tolylazo-o-toluiden	1) o- Aminoazotoluene 2) 4- Amino -2,3'- dimethylazobenzene 3) 4-o-Tolylazo-o-toluidene	97-56-3
6.	1) 2-Amino-4-nitrotoluen 2) 5-Nitro-o-toluidin 3) 2-Methyl-5-nitroanilin	1) 2- Amino-4-nitrotoluene 2) 5-Nitro-o-toluidine 3) 2-Methyl-5-nitroaniline	99-55-8
7.	1) p-Cloroanilin 2) 4-Chloroanilin	1) p-Chloroaniline 2) 4-Chloroaniline	106-47-8
8.	1) 2,4-Diaminoanisol 2) 4-Methoxy-m-phenylenediamin	1) 2,4-Diaminoanisole 2) 4-Methoxy-m-phenylenediamine	615-05-4
9.	1) 4,4'-Diaminobiphenylmetan 2) 4,4'- Methylenedianilin	1) 4,4'- Diamino diphenylmethane 2) 4,4'- Methylenedianiline	101-77-9
10.	3,3-Diclorobenzidin	3,3'- Dichlorobenzidine	91-94-1
11.	1) 3,3'- Dimethoxybenzidin 2) o-Dianisidin	3) 3,3'- Dimethoxybenzidine 4) o-Dianisidine	119-90-4

12.	1) 3,3'-Dimethylbenzidin 2) o- Tolidin 3) 4,4'- Bianisidin 4) 4,4'- Diamino-3,3'-dimethylbiphenyl	1) 3,3'- Dimethylbenzidine 2) o- Tolidine 3) 4,4'- Bianisidine 4) 4,4'- Diamino-3,3'-dimethylbiphenyl	119-93-7
13.	1) 3,3'-Dimetyl- 4,4'-diaminobiphenylmetan 2) 4,4'- methylen-bis(2-methylanilin)	1) 3,3'- Dimethyl- 4,4' -diaminodiphenyl methane 2) 4,4'- methylen-bis(2-methylaniline)	838-88-0
14.	1) p-Cresidin 2) 6- Methoxy-m-toluidin 3) 2-Methoxy-5-methylanilin 4) 5-Methyl-o-anisidin	1) p- Cresidine 2) 6- Methoxy-m-toluidine 3) 2-Methoxy-5-methylaniline 4) 5-Methyl-o-anisidine	120-71-8
15.	4,4'-Metylen-bis-(2-cloroanilin)	4,4'- Methylen-bis-(2-chloraniline)	101-14-4
16.	1. 4,4'-Oxydianilin 2. 4,4'- Diaminodiphenyl ete 3. Bis(p-aminophenyl) ete	1) 4,4'- Oxydianiline 2) 4,4'- Diaminodiphenyl ether 3) Bis(p-aminophenyl) ether	101-80-4
17.	4,4'-Thiodianilin	4,4'- Thiodianiline	139-65-1
18.	1) o- Toluidin 2) 2-Aminotoluen 3) 2-Methylanilin	1) o- Toluidine 2) 2-Aminotoluene 3) 2-Methylaniline	95-53-4
19.	1) 2,4- Diamintoluen 2) 2,4- Toluylenediamin 3) 4-Methyl-1,3-phenylenediamin 4) 4-Methyl-m-phenylenediamin	1) 2,4- Diaminotoluene 2) 2,4- Toluylenediamine 3) 4-Methyl-1,3-phenylenediamine 4) 4-Methyl-m-phenylenediamine	95-80-7
20.	2,4,5-Trimetylamin	2,4,5-Trimethylaniline	137-17-7
21.	1) o-Anisidin 2) 2-Methoxyanilin 3) 2-Aminanisol 4) Aminphenyl metyl ete	1) o-Anisidine 2) 2-Methoxyaniline 3) 2-Aminoanisole 4) 2-Aminophenyl methyl ether	90-04-0
22.	1) p- Amin azobenzen 2) 4- amin azobenzen 4- (Phenylazo) anilin	3) p- Amino azobenzene 4) 4- amino azobenzene 5) 4- (Phenylazo) aniline	60-09-3

Phụ lục 3

**Bộ hồ sơ đăng ký lấy mẫu giám định chất lượng hàng hoá,
mẫu phiếu tiếp nhận hồ sơ, và Biên bản lấy mẫu**

Ban hành kèm theo Thông tư số **32** /2009/TT-BCT ngày **05** tháng **11** năm 2009

Mẫu 1

MẪU ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA**

Kính gửi :(Tên Cơ quan kiểm tra).....

Người đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ :

Điện thoại : Fax:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng lô hàng hóa sau:

Số TT	Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:

1. Hợp đồng (Contract)(*) số :
2. Danh mục hàng hoá (Packing list): (*)
3. Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc Giấy giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:do Tổ chức... .. cấp ngày: / / tại:
4. Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý số :
- do Tổ chức chứng nhận : cấp ngày: / / tại:
5. Hóa đơn (Invoice) số(*):
7. Vận đơn (Bill of Lading) số:(*)
8. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số(*):
9. Giấy chứng nhận xuất xứ C/O số(*):
10. Ảnh hoặc bản mô tả hàng hoá, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định)(*).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm lô hàng hoá nhập khẩu phù hợp với tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn kỹ thuật

..., ngày.... thángnăm...200..

(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)

vào số đăng ký: số:...../ Cơ quan KT

Ngày..... tháng..... năm 200...

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)

(NGƯỜI NHẬP KHẨU)

(ký tên, đóng dấu)

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hoá nhập khẩu)

Mẫu 2
MẪU PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TN-

, ngày tháng năm 200...

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HOÁ

STT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không	Ghi chú
1	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa.	<input type="checkbox"/>	(*)
2	Hợp đồng (<i>Contract</i>) (bản photocopy).	<input type="checkbox"/>	(*)
3	Danh mục hàng hoá (<i>Packing list</i>) kèm theo hợp đồng (bản photocopy).	<input type="checkbox"/>	(*)
4	Bản sao có chứng thực giấy chứng chỉ chất lượng	<input type="checkbox"/>	
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy	<input type="checkbox"/>	
	4.3. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	
	4.2. Giấy giám định chất lượng lô hàng	<input type="checkbox"/>	
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng	<input type="checkbox"/>	
5	Hóa đơn (<i>Invoice</i>)	<input type="checkbox"/>	(*)
6	Vận đơn (<i>Bill of Lading</i>)	<input type="checkbox"/>	(*)
7	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu	<input type="checkbox"/>	(*)
8	Giấy chứng nhận xuất xứ (<i>C/O-Certificate of Origin</i>)	<input type="checkbox"/>	(*)
9	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hoá	<input type="checkbox"/>	
10	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy	<input type="checkbox"/>	
11	Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).	<input type="checkbox"/>	

KẾT LUẬN

Hồ sơ đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
 Hồ sơ không đầy đủ về số lượng tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:.....
 trong thời gian ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

Người nộp hồ sơ

Người kiểm tra

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hoá nhập khẩu)

Mẫu 3
MẪU BIÊN BẢN LẤY MẪU

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200...

BIÊN BẢN LẤY MẪU
Số

1. Tên cơ sở được lấy mẫu:
2. Đại diện cơ sở được lấy mẫu: (Họ tên, chức danh, đơn vị)
3. Người lấy mẫu: (Họ tên, chức vụ, đơn vị)
4. Phương pháp lấy mẫu:

STT	Tên hàng hoá, nhãn hiệu, kiểu loại	Tên cơ sở và địa chỉ NSX, NK	Đơn vị tính	Lượng mẫu	Ngày sản xuất, số lô (nếu có)	Ghi chú

5. Tình trạng mẫu:

Mẫu được niêm phong có sự chứng kiến của đại diện cơ sở lấy mẫu.

Mẫu có thể được chia làm 2 đơn vị: 1 đơn vị đưa đi thử nghiệm, 1 đơn vị được lưu tại cơ quan kiểm tra khi cần thiết.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, đã được các bên thông qua, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện cơ sở được lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4

Bộ hồ sơ đăng ký phòng thí nghiệm được chỉ định

Ban hành kèm theo Thông tư số 32 /2009/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2009

1. Giấy đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp (mẫu 4)
2. Danh sách cán bộ, nhân viên/chuyên gia đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định (mẫu 5)
3. Danh mục tài liệu phục vụ đánh giá sự phù hợp (mẫu 6)
4. Báo cáo tình hình hoạt động thử nghiệm/chứng nhận (mẫu 7)
5. Quyết định về việc công nhận phòng thí nghiệm của Văn phòng công nhận chất lượng hoặc các chứng chỉ của tổ chức công nhận Quốc tế, khu vực.
6. Danh mục các phép thử được công nhận.

Mẫu 4

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM /CHỨNG NHẬN

Kính gửi: Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ liên lạc:
- Điện thoại: Fax: E-mail:.....
3. Quyết định thành lập (nếu có)/Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số
- Cơ quan cấp: cấp ngày tại.....
4. Hồ sơ kèm theo:
-

5. Sau khi nghiên cứu các điều kiện hoạt động đánh giá sự phù hợp quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08 tháng 4 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp; văn bản hướng dẫn của Bộ Công Thương tại Thông tư /2009 /TT-BCT về điều kiện hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận và các điều kiện về năng lực quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để được chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận trong các lĩnh vực sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường (nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

Đề nghị Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương xem xét đề chỉ định (*tên tổ chức*) được hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ...
(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

Mẫu 5

**MẪU DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ
CỦA TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH**

TÊN TỔ CHỨC:.....

**DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC
ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM
ĐỊNH/CHỨNG NHẬN**

STT	Họ và tên	Chứng chỉ đào tạo chuyên môn	Chứng chỉ đào tạo thử nghiệm/giám định/kiểm định	Kinh nghiệm công tác	Loại hợp đồng lao động đã ký	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
10						
.....						
.....						

....., ngàytháng.....năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(*Họ tên, chữ ký, đóng dấu*)

(*Ghi chú: Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó.*)

Mẫu 6

MẪU DANH MỤC TÀI LIỆU PHỤC VỤ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP

TÊN TỔ CHỨC:.....

DANH MỤC TÀI LIỆU

PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN

STT	Tên tài liệu	Mã số	Hiệu lực từ	Cơ quan ban hành	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
.....					
.....					

....., ngàytháng.....năm

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(Ghi chú: Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó.)

Mẫu 7

MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM /CHỨNG NHẬN

(Tên cơ quan chủ quản)
(Tên tổ chức đánh giá sự phù hợp)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm 200.....

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG THỬ NGHIỆM /CHỨNG NHẬN
(Từ ngày...../...../200... đến ngày/...../200.....)

Kính gửi: - Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

1. Tên tổ chức hoạt động thử nghiệm

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại: Fax: E-mail:.....

4. Tình hình hoạt động

.....(tên tổ chức hoạt động thử nghiệm) báo cáo tình hình hoạt động thử nghiệm được chỉ định từ ngày/...../200... đến ngày/...../200.... như sau:

a) Hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận trong kỳ báo cáo:

- Tên lĩnh vực chuyên ngành

- Số lượng, nội dung công việc đã tiến hành đánh giá sự phù hợp

-

b) Đơn vị có giấy thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đã bị thu hồi hoặc hết hạn (nếu có) trong kỳ báo cáo

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ (ghi địa danh tỉnh/thành phố)	Lĩnh vực/đối tượng	Tên quy chuẩn kỹ thuật	Thời gian/hiệu lực của giấy thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận (ghi năm hết hiệu lực)	Ghi chú

5. Các kiến nghị, đề xuất (nếu có)

.....(tên tổ chức đánh giá sự phù hợp) báo cáo đề (tên cơ quan đầu mối do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định) và Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng biết./.

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP
(Đại diện có thẩm quyền ký tên, đóng dấu)

MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

(Tên cơ quan chủ quản) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : /TB- ... , ngày tháng năm 200...

THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA
CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

1. Tên hàng hóa:
2. Nhãn hiệu, kiểu loại :
3. Đặc tính kỹ thuật :
4. Xuất xứ/ Nhà sản xuất :
5. Khối lượng/Số lượng:.....
6. Cửa khẩu nhập :(*).....
7. Thời gian nhập khẩu:(*)
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:.....
 - Hợp đồng số(Contract) :
 - Danh mục hàng hoá số (Packing List):
 - Hóa đơn số (Invoice):(*)
 - Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O): (*)
 - Vận đơn số (Bill of Lading): (*)
 - Tờ khai hàng nhập khẩu số(C/O-Certificate of Origin):(*)
9. Người nhập khẩu:(*)
10. Giấy đăng ký kiểm tra số:..... ngày..... tháng..... năm 200.....
11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
- Quy chuẩn kỹ thuật:.....
- Quy định khác:
12. Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa (nhập khẩu) số:.....do tổ chứccấp ngày: /..... /tại:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Lô hàng (Số lượng / tên, nhãn hiệu, kiểu loại hàng hóa)

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hoá nhập khẩu

(hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hoá nhập khẩu thì nêu lý do hoặc các yêu cầu khác nếu có)

CƠ QUAN KIỂM TRA
(ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu VT: Cơ quan kiểm tra.

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hoá nhập khẩu)

Mẫu 9

MẪU BÁO CÁO LÔ HÀNG

KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG

(Tên cơ quan chủ quản)
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

, ngày tháng năm 200...

BÁO CÁO LÔ HÀNG
KHÔNG ĐẠT YÊU CẦU QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LƯỢNG

Kính gửi: - Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương

1. Tên hàng hóa:
2. Nhân hiệu/ Kiểu loại:
3. Đặc tính kỹ thuật:
4. Xuất xứ/Nhà sản xuất:
5. Số lượng khai báo:
6. Cửa khẩu nhập: (*).....
7. Thời gian nhập khẩu: (*)
8. Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:
- Hợp đồng số(contract):.....
- Danh mục hàng hoá số(Packing List):
- Hóa đơn số(Invoice): (*).....
- Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O): (*).....
- Vận đơn số(Bill of Lading) :(*)
- Tờ khai hàng nhập khẩu số (C/O-Certificate of Origin): (*).....
9. Người nhập khẩu :(*)
10. Giấy đăng ký kiểm tra số: ngày..... tháng năm 200.....
11. Căn cứ kiểm tra: Tiêu chuẩn công bố áp dụng
- Quy chuẩn kỹ thuật:.....
- Quy định khác:
12. Kết quả thử nghiệm/ chứng nhận/ giám định hàng hóa (nhập khẩu) số: do Tổ chức Đánh giá sự phù hợp:
- cấp ngày: / / tại:
13. Kết luận:
 - a. Lô hàng (Số lượng/tên, nhân hiệu): không đạt yêu cầu quy định về chất lượng;
 - b. Lý do không đạt (không phù hợp về chất lượng, ghi nhãn, dấu hợp quy,).
14. Đề xuất biện pháp xử lý:

Cơ quan kiểm tra
(ký tên đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, Cơ quan kiểm tra.

(Ghi chú: những mục đánh dấu (*) là những mục bắt buộc thực hiện đối với hàng hoá nhập khẩu)